TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI LAI** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DS-ST
Ngày: 22-01-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
Và cầm cố tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Khanh.

2. Ông Lê Hoàng Long.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tưởng – cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và cầm cố tài sản thụ lý số: 197/2018/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 497/QĐST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Đình L**, sinh năm 1955.

Người đại diện theo ủy quyền: bà **Trần Thị G**, sinh năm 1965. Có mặt

ĐKTT: Ấp T, xã X, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

- *Bị đơn:* 1. Ông **Võ Văn M,** sinh năm 1975; Vắng mặt.

ĐKTT: Ấp T, TT. T, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

2. Bà **Huỳnh Thị Trúc L**, sinh năm 1975. Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 4 năm 2018, nguyên đơn ông Lê Đình L trình bày: Trong thời gian từ năm 2015 đến năm 2018, ông Võ Văn M cùng vợ là bà Huỳnh Thị Trúc L (Bà L là em cùng mẹ khác cha với bà G vợ ông M) do là anh em trong nhà nên vợ chồng ông M nhiều lần đến mượn tiền và vàng của ông L với số vàng là 21 chỉ vàng 24K và số tiền 22.000.000 đồng để làm ăn nhưng

đến nay đã qua nhiều năm nhưng ông M vẫn không chịu trả. Khi mượn tiền và vàng ông M có đưa cho ông L 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin, giấy chứng nhận có số vào sổ cấp giấy chứng nhận H01893, thửa số 61, tờ bản đồ số 37, diện tích 67m^2, đất trồng lúa, do UBND huyện Thới Lai cấp ngày 09/12/2009 cho ông Võ Văn M. Nay ông L khởi kiện yêu cầu ông M có trách nhiệm trả ông số vàng 21 chỉ vàng 24k và 22.000.000 đồng, ông không tính lãi. Quá trình giải quyết ngày 24/4/2019, nguyên đơn ông Lê Đình L có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu vợ ông Võ Văn M là bà Huỳnh Thị Trúc L có trách nhiệm liên đới cùng ông M trả cho ông L số vàng 21 chỉ vàng 24K và số tiền 22.000.000 đồng vì khi mượn tiền tuy chỉ một mình ông M ký vay mượn nhưng có mặt bà L ở đó, và ông M mượn để chi tiêu trong gia đình khi còn là vợ chồng với bà L.

Bị đơn ông Võ Văn M mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên không rõ ý kiến.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Trúc L có đơn xin vắng mặt, nhưng trong bản tự khai và hòa giải bà L trình bày: Bà và ông Võ Văn M đã ly hôn tháng 5 năm 2015, trước đây thời điểm bà và ông M còn chung sống với nhau thì bà L có biết việc ông M mượn của ông Lê Đình L 21 chỉ vàng nữ trang và 22.000.000 đồng để làm ăn. Mượn thành nhiều lần, khi mượn chỉ một mình ông M đi mượn. Đây là số tiền ông M mượn để lo chuyện của ông M vì trong gia đình chị L không có nắm giữ tiền nên không biết ông M dùng vào việc gì. Đây là việc vay mượn giữa cá nhân ông M và ông L nên chỉ cá nhân ông M có trách nhiệm trả nợ bà L không đồng ý cùng ông M liên đới trách nhiệm trả nợ theo yêu cầu của ông L.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu buộc bị đơn ông M bà L có trách nhiệm liên đới trả số vàng đã mượn là 21 chỉ vàng 24k (vàng nữ trang) và số tiền 22.000.000 đồng, nguyên đơn sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho ông M, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi. Bị đơn ông M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, bà L có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp: Ông Lê Đình L có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Võ Văn M và bà Huỳnh Thị Trúc L trả số tiền vay theo biên nhận ngày 13/7/2015 nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và cầm cố tài sản". Loại tranh chấp này thuộc ngành Luật dân sự điều chỉnh. Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai theo Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Do bị đơn ông Võ Văn M, bà Huỳnh Thị Trúc L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông M bà L là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hội đồng xét xử xét thấy giữa ông L và ông M có thỏa thuận vay mượn với nhau, ngày 13/7/2015 hai bên ký tờ cam kết trả nợ với số vàng 21 chỉ vàng 24k và số tiền 22.000.000 đồng, đến nay ông M vẫn chưa trả số nợ trên cho ông L; bị đơn bà L tuy không ký vào tờ cam kết trả nợ nhưng trong quá trình hòa giải tại Tòa án bà L thừa nhận bà biết ông M mượn ông L số vàng 21 chỉ vàng 24k và số tiền 22.000.000 đồng. Số tiền này để lo cho kinh tế gia đình, vay mượn thời điểm hôn nhân của ông bà đang tồn tại. Tuy theo bà L trình bày, kinh tế gia đình do ông M nắm giữ nên ông M vay mượn tiền làm gì bà cũng không biết, bà không liên quan trong việc vay mượn này của ông M nên bà không phải liên đới trả nợ với ông M.

Xét quan hệ vay mượn giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật, bị đơn ông M vắng mặt trong quá trình giải quyết nhưng bà L vợ ông M thừa nhận bà biết việc ông M vay mượn tiền và vàng của ông L, bà L cho rằng việc vay mượn này là của cá nhân ông M vì ông M lo kinh tế trong gia đình, nắm hết tiền bạc bà không có cầm tiền nên bà không đồng ý liên đới cùng ông M trả nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng, bị đơn ông M bà L trong quá trình vay mượn tiền và vàng của ông L là trong thời kỳ hôn nhân của ông bà đang tồn tại, ông M vay để lo cho kinh tế gia đình nên trách nhiệm trả nợ thuộc về cả ông M và bà L nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ là đúng theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

<u>Áp dụng:</u>

Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 463, Điều 466 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận Đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đình L.

Buộc bị đơn ông Võ Văn M bà Huỳnh Thị Trúc L có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Đình L số vàng nữ trang 21 (Hai mươi mốt) chỉ vàng 24k (trong đó: ông M trả 10,5 chỉ vàng, bà L trả 10,5 chỉ vàng) và số tiền 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng) (ông M trả 11.000.000 đồng, bà L trả 11.000.000 đồng), ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

Nguyên đơn ông Lê Đình L có trách nhiệm trả lại cho ông M 01 (Một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận H01893, thửa số 61, tờ bản đồ số 37, diện tích 67m^2, đất trồng lúa, do UBND huyện Thới Lai cấp ngày 09/12/2009 cho ông Võ Văn M.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn, nếu bị đơn không trả số tiền trên thì bị đơn phải chịu lãi suất theo Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Về án phí: Bị đơn ông M bà L phải chịu 6.875.000 đồng (Sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.371.750 đồng (Hai triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn bảy trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu số 002938 ngày 28/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Lai.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Nơi nhận:
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. Thới Lai;
- Chi cục THADS H. Thới Lai;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Trần Thị Phương Anh